

ST T		Họ và tên		Hệ số		Số tiền		Chức vụ		Khu vực		PC khác			Ưu đãi			TN nghề		Biên giới		Tổng lương		Các khoản thu				Tổng lĩnh		Kí nhận	
												Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền					%	Số tiền						
																										Hệ số	Số tiền				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22								
1	Trần Tuấn Đạt	5,36	12.542.400	0,35	819.000	1.170.000							4.676.490	24%	3.206.736	4.008.420	26.423.046		1.316.962	85.995	336.707	24.683.392									
2	Nguyễn Thị Phương	5,70	13.338.000		0	1.170.000					0	4.668.300	32%	4.268.160	4.001.400	27.445.860			1.400.490	0	448.157	25.597.213									
3	Nguyễn Việt Anh	5,36	12.542.400	0,20	468.000	1.170.000					0	4.553.640	28%	3.642.912	3.903.120	26.280.072			1.316.962	49.140	382.506	24.531.474									
4	Trịnh Thị Hào	5,70	13.338.000		0	1.170.000					0	4.668.300	29%	3.868.020	4.001.400	27.045.720			1.400.490	0	406.142	25.239.088									
5	Dương Minh Hòa	5,36	12.542.400		0	1.170.000					0	4.389.840	28%	3.511.872	3.762.720	25.376.832			1.316.962	0	368.747	23.691.133									
6	Bùi Thị Phương	5,02	11.746.800		0	1.170.000						4.111.380	23%	2.701.764	3.524.040	23.253.984			1.233.414	0	263.665	21.736.865									
7	Lê Mai Hương	4,68	10.951.200		0	1.170.000						3.832.920	21%	2.299.752	3.285.360	21.539.232			1.149.876	0	241.474	20.147.882									
8	Quảng Thị Phương	4,68	10.951.200		0	1.170.000						3.832.920	20%	2.190.240	3.285.360	21.429.720			1.149.876	0	229.975	20.049.869									
9	Phạm Nguyệt Nga	5,02	11.746.800	0,15	351.000	1.170.000						4.234.230	21%	2.540.538	3.629.340	23.671.908			1.233.414	36.855	266.756	22.134.883									
10	Hoàng Thị Hà	4,68	10.951.200		0	1.170.000						3.832.920	20%	2.190.240	3.285.360	21.429.720			1.149.876	0	229.975	20.049.869									
11	Trần Thị Thoa	4,68	10.951.200		0	1.170.000						3.832.920	21%	2.299.752	3.285.360	21.539.232			1.149.876	0	241.474	20.147.882									
12	Lê Thị Hồng	5,02	11.746.800	0,25	585.000	1.170.000						4.316.130	21%	2.589.678	3.699.540	24.107.148			1.233.414	61.425	271.916	22.540.393									
13	Đào Thị Phương	4,34	10.155.600		0	1.170.000	0,2	468.000					3.554.460	18%	1.828.008	3.046.680	20.222.748			1.066.338	0	191.941	18.964.469								
14	Đặng Quang Trường	4,68	10.951.200	0,20	468.000	1.170.000						3.996.720	21%	2.398.032	3.425.760	22.409.712			1.149.876	49.140	251.753	20.958.903									
15	Nguyễn Hồng Diễm	5,02	11.746.800		0	1.170.000						4.111.380	20%	2.349.360	3.524.040	22.901.580			1.233.414	0	246.663	21.421.483									
16	Trần Đức Minh	4,34	10.155.600		0	1.170.000						3.554.460	19%	1.929.564	3.046.680	19.856.304			1.066.338	0	202.604	18.587.362									
17	Nguyễn Văn Hiên	4,34	10.155.600		0	1.170.000						3.554.460	20%	2.031.120	3.046.680	19.957.880			1.066.338	0	213.268	18.678.254									
18	Lương T Thu Hằng	4,68	10.951.200		0	1.170.000						3.832.920	21%	2.299.752	3.285.360	21.539.232			1.149.876	0	241.474	20.147.882									
19	Nguyễn Thị Mai	4,34	10.155.600		0	1.170.000						3.554.460	18%	1.828.008	3.046.680	19.754.748			1.066.338	0	191.941	18.496.469									

20	Nguyễn Thị Sen	4,00	9.360.000	0,15	351.000	1.170.000							3.398.850	16%	1.553.760	2.913.300	18.746.910			982.800	36.855	163.145	17.564.110
21	Lã Tuấn Anh	4,00	9.360.000		0	1.170.000							3.276.000	18%	1.684.800	2.808.000	18.298.800			982.800	0	176.904	17.139.096
22	Lò Thị Thảo	4,00	9.360.000		0	1.170.000							3.276.000	14%	1.310.400	2.808.000	17.924.400			982.800	0	137.592	16.804.008
23	Nông T Hồng Hạnh	4,00	9.360.000	0,20	468.000	1.170.000							3.439.800	15%	1.474.200	2.948.400	18.860.400			982.800	49.140	154.791	17.673.669
24	Phùng Thị Nga	3,66	8.564.400	0,20	468.000	1.170.000										2.709.720	12.912.120			899.262	49.140	0	11.963.718
	Cộng	112,66	263.624.400	1,70	3.978.000	28.080.000	0,2	468.000				0	90.499.500	488%	55.996.668	80.280.720	522.927.288			27.680.562	417.690	5.879.650	488.949.386
25	Lò Văn Phương Út	1,50	3.650.500		0												3.650.500			383.303			3.267.198
	Cộng	1,50	3.650.500		0												3.650.500			383.303	0	0	3.267.198
	Tổng cộng	114,16	267.274.900	1,70	3.978.000	28.080.000	0,2	468.000			###	0	90.499.500	4,88	55.996.668	80.280.720	526.577.788	0	0	28.063.865	417.690	5.879.650	492.216.583

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tịnh



#REF!